



BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

Số: 1676/QĐ-CHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Cục Hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 66/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-CHQ ngày 15/9/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc uỷ quyền ký Quyết định giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-CHQ ngày 14/10/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài vụ-Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của **Cục Hải quan** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Tài vụ-Quản trị và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Cục Hải quan theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

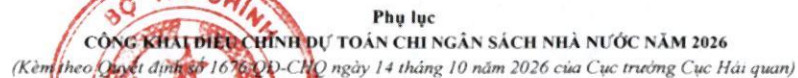
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC-đề b/c);
- Đ/c Cục trưởng (đề b/c);
- Đ/c Lưu Mạnh Tường-PCT (đề b/c);
- Văn phòng (để đăng tải trên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, TVQT (01b).

**TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN TÀI VỤ - QUẢN TRỊ**



Trịnh Văn Nhuận

[illegible]

STT	NỘI DUNG	Chi cục Hải quan Khu vực XII	Chi cục Hải quan Khu vực XIII	Chi cục Hải quan Khu vực XIV	Chi cục Hải quan Khu vực XV	Chi cục Hải quan Khu vực XVII	Chi cục Hải quan Khu vực XVIII	Chi cục Hải quan Khu vực XIX	Chi cục Hải quan Khu vực XX	Văn Phòng Cục Hải quan	Chi cục Điều tra chống buôn lậu	Chi cục Kiểm tra sau thông quan	Chi cục Kiểm định Hải quan
B	DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN PHÍ HẢI QUAN	-	-	-	-	(779.436.000)	(65.880.000)	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bảo trì, bảo dưỡng tài sản												
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	-	-	-	(779.436.000)	(65.880.000)	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa tài sản					(779.436.000)	(65.880.000)						
C	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	401.893.000	(86.000)	326.882.697	94.004.000	(189.656.000)	-	(1.543.000)	732.602.000	(165.533.000)	(1.871.849.000)	2.669.986.000	(13.596.000)
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)	401.893.000	(86.000)	326.882.697	94.004.000	(189.656.000)	-	(1.543.000)	732.602.000	(165.533.000)	(1.871.849.000)	2.669.986.000	(13.596.000)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	401.893.000	(86.000)	326.882.697	94.004.000	(189.656.000)	-	(1.543.000)	732.602.000	(165.533.000)	(1.871.849.000)	2.669.986.000	(13.596.000)
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	(0)	(86.000)	(18.468.303)	(19.431.000)	(19.656.000)	-	(1.543.000)	760.789.000	(201.683.000)	(671.849.000)	(14.000)	29.685.000
a	Chi mua sắm tài sản												
b	Chi sửa chữa tài sản		(86.000)			(19.656.000)			760.789.000	(201.683.000)		(14.000)	29.685.000
c	Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình	(0)		(18.468.303)	(19.431.000)			(1.543.000)			(671.849.000)		
2.2	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan, bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	401.893.000		345.351.000	113.435.000	(170.000.000)			(28.187.000)		(1.200.000.000)	2.670.000.000	(43.281.000)
2.3	Kinh phí thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật									36.150.000			